

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST
Ngày 06 - 3 - 2024
“V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Thuôn

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Anh Đào
- Ông Lương Hữu Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Bô Na, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Đoàn Tố Quyên – Kiểm sát viên.

- Cán bộ hỗ trợ kỹ thuật tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân huyện Trà Cú: Ông Trần Văn T - Thẩm phán sơ cấp, Công tác tại Tòa án nhân dân huyện Trà Cú.

- Hỗ trợ hỗ trợ kỹ thuật tại điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân huyện Châu Thành: Ông Nguyễn Phước H - Thẩm tra viên, công tác tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 06 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án dân sự về hôn nhân và gia đình thụ lý số: 322/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 15 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Sơn Thị B, sinh ngày 19/9/1999; địa chỉ ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Anh Thạch M, sinh năm 1993; địa chỉ ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/9/2023, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Sơn Thị B trình bày: Vào năm 2017, do quen biết nên chị và anh Thạch M đã được gia đình hai bên chấp thuận và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, sau đó có đăng

ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C vào ngày 06/6/2018 theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng lên Bình Phước làm công nhân, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc và có với nhau 01 người con chung tên Thạch H1, sinh ngày 12/3/2018. Do con bị bệnh bại não bẩm sinh nên chị phải ở lại nhà cha mẹ ruột để chăm sóc con không thể trở lên Bình Phước để tiếp tục làm thuê cùng với anh Thạch M nữa, thời gian đầu anh Thạch M cũng thường xuyên trở về để thăm mẹ con chị nhưng cách đây khoảng 02 năm thì anh Thạch M không còn về nữa, chị gọi điện cũng không bắt máy và chị nghe nói lại phía anh M đã có người phụ nữ khác. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Thạch M không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau, không thể duy trì mối quan hệ hôn nhân được nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh Thạch M; về con chung tên Thạch H1, sinh ngày 12/3/2018, chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu anh Thạch M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng 2.000.000 đồng đến suốt đời; về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa; nguyên đơn chị Sơn Thị B vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Thạch M; yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Thạch H1, sinh ngày 12/3/2018 và yêu cầu anh Thạch M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng 2.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi; về tài sản chung không tranh chấp; về nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; bị đơn anh Thạch M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án nhận thấy: Chị B và anh M xác lập quan hệ hôn nhân với nhau, có đăng ký kết hôn đúng quy định pháp luật, quá trình chung sống có 01 người con chung tên Thạch H1, sinh ngày 12/3/2018 hiện đang bị khuyết tật về não do chị B nuôi dưỡng. Nguyên nhân xin ly hôn chị B cho rằng anh M có người phụ nữ khác và không về thăm vợ con cũng không gởi tiền về cho chị nuôi con, cắt đứt liên lạc khoảng 2 năm nay. Theo biên bản xác minh ngày 12/12/2023 với bà Thạch Thị H2 là mẹ của anh M xác nhận bà cũng nghe chị B và anh M có mâu thuẫn và anh M cũng không về thăm gia đình. Từ những cơ sở trên nhận thấy, quan hệ hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, cả hai đã bỏ mặc nhau, không quan tâm chăm sóc đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của chị B là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Chị B có yêu cầu trực tiếp nuôi cháu H1 và yêu cầu anh M cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng cho đến suốt đời do cháu bị bệnh bại não không

thể tự chăm sóc, cần người chăm sóc 24/24. Nhưng tại phiên tòa hôm nay chị B thay đổi nội dung yêu cầu, chỉ yêu cầu cấp dưỡng cho cháu H1 mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu tròn 18 tuổi. Xét thấy cháu Hậu bị khuyết tật cần phải có người chăm sóc 24/24, xét nhu cầu thiết yếu của cháu và mức sống tại khu vực thì việc yêu cầu cấp dưỡng trên là phù hợp. Sau khi thành niên nếu con không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình thì cha hoặc mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 110 Luật hôn nhân gia đình. Như vậy, nếu sau khi cháu H1 tròn 18 tuổi mà không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình thì chị B có quyền yêu cầu anh M tiếp tục cấp dưỡng cho con. Do đó, yêu cầu khởi kiện về con chung của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Sơn Thị Bích .

- Về hôn nhân: Chị Sơn Thị B được ly hôn với anh Thạch M.
- Về con chung: Giao cháu Thạch H1, sinh ngày 12/3/2018 cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng, anh Thạch M có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Thạch H1 mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi tròn 18 tuổi hoặc khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có, nên không giải quyết.

- Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa nguyên đơn chị Sơn Thị B thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu anh Thạch M cấp dưỡng cho cháu H1 mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Xét thấy, việc chị B thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận; đối với bị đơn anh Thạch M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Thạch M.

[2] Về hôn nhân: Chị Sơn Thị B và anh Thạch M tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C vào ngày 06/6/2018 đúng quy định của luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh M là hợp pháp. Theo như chị Sơn Thị B cho rằng, thời gian đầu giữa chị và anh M chung sống hạnh phúc, có quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Tuy nhiên, sau khi sinh con, do con bị bệnh bại não bẩm sinh nên chị phải ở lại quê nhà

để chăm sóc cho con không thể trở lên Bình Phước để tiếp tục làm thuê cùng với anh Thạch M nữa, thời gian đầu anh Thạch M cũng thường xuyên trở về quê để thăm mẹ con chị nhưng cách đây khoảng 02 năm thì anh Thạch M không về nữa cũng không gởi tiền về cho chị nuôi con và cắt đứt liên lạc với chị. Từ đó tình cảm giữa chị và anh M không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Thạch M; phía anh Thạch M mặc dù đã được Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án; được thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh Thạch M đều vắng mặt, điều này chứng tỏ anh Thạch M không mong muốn hàn gắn lại với chị Sơn Thị Bích. Từ những căn cứ trên thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa chị Sơn Thị B và anh Thạch M đã trầm trọng; anh, chị đã bỏ mặt không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị Sơn Thị B yêu cầu ly hôn với anh Thạch M là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Theo giấy khai sinh số 144/2018 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện C thể hiện cháu Thạch H1, sinh ngày 12/3/2018 có mẹ là Sơn Thị B và cha là Thạch Mone điều này phù hợp với lời trình bày của chị Sơn Thị B, cho rằng giữa chị và anh Thạch M có 01 người con chung tên Thạch H1, sinh ngày 12/3/2018. Thấy rằng, sau khi được sinh ra cháu H1 đã không phát triển bình thường như bao đứa trẻ khác, cháu được Bác sĩ chuẩn đoán bị bệnh bại não bẩm sinh, từ khi cháu được sinh ra đến nay do chị B là người trực chăm sóc, nuôi dưỡng đối với cháu H1. Do đó, việc chị B yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thạch H1 là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con phía chị B yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng 2.000.000 đồng, đến khi con đủ 18 tuổi. Theo quy định tại Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi con...*”. Thấy rằng anh Thạch M là cha của cháu Thạch H1, không trực tiếp sống chung với cháu H1 thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con (cháu H1). Do đó, việc chị Sơn Thị B yêu cầu anh Thạch M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là cháu Thạch H1 là có căn cứ chấp nhận. Về mức cấp dưỡng chị B yêu cầu mỗi tháng bằng 2.000.000 đồng là phù hợp với nhu cầu thiết yếu của cháu và mức sống tại khu vực nơi cháu H1 sinh s nên chấp nhận; về thời gian anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (06/3/2024) đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi. Trong trường hợp, sau khi cháu H1 đủ 18 tuổi mà không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình thì chị B có quyền yêu cầu anh M tiếp tục cấp dưỡng cho cháu H1 bằng một vụ án khác.

[5] Về tài sản chung: Chị Sơn Thị B không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị Sơn Thị B xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Trong vụ án hôn nhân và gia đình thì nguyên đơn chị Sơn Thị B phải chịu theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn anh Thạch M là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí không có giá ngạch theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 244, khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 53, 56 và Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Sơn Thị Bích .

+ Về hôn nhân: Cho chị Sơn Thị B được ly hôn với anh Thạch M.

+ Về con chung: Giao cháu Thạch H1, sinh ngày 12/3/2018 cho chị Sơn Thị B được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc anh Thạch M phải cấp dưỡng nuôi con (cháu Thạch H1) mỗi tháng bằng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 06/3/2024) đến khi cháu Thạch H1 đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền ngăn cản, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với bên trực tiếp nuôi. Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

+ Về tài sản chung: Chị Sơn Thị B không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

+ Về nợ chung: Chị Sơn Thị B xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Buộc chị Sơn Thị B phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Sơn Thị B đã nộp tạm ứng trước bằng 300.000 đồng theo biên lai thu số 0018416 ngày 18/10/2023

của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh nên chị Sơn Thị B không phải nộp tiếp.

Buộc anh Thạch M phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (án phí cấp dưỡng nuôi con).

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND xã Lương Hòa A, huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thạch Thuôn

